TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **05**/2026/QĐDS-ST	*Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HÀ NỘI

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Luật số: 85/2025-QH15 ngày 25/06/2025 của Quốc Hội sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/07/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Căn cứ Nghị quyết số 1656/NQ-UBTVQH15 ngày 16/06/2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hà Nội năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 270/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐTP ngày 27/06/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của một số Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán TANDTC;

Căn cứ khoản 2 Điều 17 – Luật phí và lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 04 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Lao động sơ thẩm thụ lý 14/2026/TLST- LĐ ngày 01/04/2026 về việc: *"Tranh chấp Hợp đồng lao động"*.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L – Sinh năm 1980

Cư trú tại: Thôn K, xã P, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền:

- Bà **Đào Thị H,** sinh năm 1982; HKTT: P, xã P, Hà Nội.

- Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm: 1974; HKTT: TT H, Táp C, xã G, Hà Nội.

- Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1978; HKTT: Thôn L, xã T, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: **Công ty cổ phần T2**

Trụ sở: Số B phố H, phường H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: **Bà Nguyễn Thị H2** – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Ngọc T1**, ông **Phan Lê H3** (theo Giấy ủy quyền ngày 10/03/2026).

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác nhận:

Bà Phạm Thị L làm việc tại Công ty cổ phần T2 theo Hợp đồng lao động không xác định thời hạn kể từ tháng 08/2011 với công việc là công nhân may.

Đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị L thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng lao động với Công ty cổ phần T2, Công ty cổ phần T2 đồng ý thanh toán cho bà L tổng số tiền 45.240.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

2. Công ty Cổ phần T2 cam kết thanh toán cho bà L số tiền trên theo lộ trình như sau:

- Chậm nhất là ngày 08/5/2026 Công ty thanh toán cho bà L số tiền 10.000.000 đồng.

- Chậm nhất là ngày 08/8/2026 Công ty thanh toán cho bà L số tiền 10.000.000 đồng.

- Chậm nhất là ngày 08/11/2026 Công ty thanh toán cho bà L số tiền 10.000.000 đồng.

- Chậm nhất là ngày 08/2/2027 Công ty thanh toán cho bà L số tiền 10.000.000 đồng.

- Chậm nhất là ngày 08/5/2027 Công ty thanh toán cho bà L nốt số tiền 5.240.000 đồng.

- Phương thức thanh toán: Công ty cổ phần T2 chuyển khoản vào số tài khoản của bà Phạm Thị L: 030079313811 (Ngân hàng Thương mại Cổ phần S).

Công ty cổ phần T2 cam kết thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng theo thoả thuận. Trong trường hợp vi phạm (vi phạm về số tiền thanh toán hoặc thời gian thanh toán hoặc cả số tiền thanh toán và thời gian thanh toán) bất kỳ lần thanh toán nào theo thỏa thuận trên thì bà L có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền buộc Công ty cổ phần T2 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán 01 lần đối với toàn bộ số tiền trên. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho tới thời điểm thanh toán hết số tiền yêu cầu thi hành án, Công ty Cổ phần T2 phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án xong.

3. Án phí Lao động sơ thẩm: Các đương sự chịu 50% án phí lao động sơ thẩm theo quy định. Nguyên đơn – Bà Phạm Thị L được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí lao động sơ thẩm. Bị đơn - Công ty cổ phần T2 chịu số tiền án phí lao động sơ thẩm là: **339.300 đồng** (Ba trăm ba mươi chín nghìn ba trăm đồng).

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND Khu vực 1 – Hà Nội;*
- *Phòng THADS Khu vực 1 – Hà Nội;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Trần Thị Nguyên